

# CÔNG TÁC ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN TIẾNG PHÁP DƯỚI GÓC NHÌN CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN QUA KỶ THỰC TẬP SƯ PHẠM

Nguyễn Hương Trà

Đại học Cần Thơ

Email: nhuongtra@ctu.edu.vn.

**Tóm tắt:** Thực tập sư phạm là giai đoạn quan trọng trong quá trình đào tạo giáo viên tại các cơ sở đào tạo và đóng vai trò bản lề khi tạo cơ hội thực hành nghề nghiệp đầu tiên cho sinh viên. Vì vậy, việc chuẩn bị cho sinh viên bước vào giai đoạn này cả về kiến thức và các kỹ năng cần thiết là một yêu cầu quan trọng. Nghiên cứu sử dụng thiết kế khảo sát mô tả theo phương pháp hỗn hợp, kết hợp phân tích thống kê mô tả đối với dữ liệu định lượng và phân tích nội dung đối với dữ liệu định tính thu thập từ bảng hỏi trên 11 giáo viên hướng dẫn trực tiếp, theo dõi và đánh giá sinh viên trong kỳ thực tập. Kết quả từ nhận xét của giáo viên hướng dẫn cho thấy sinh viên có thái độ nghiêm túc, tinh thần cầu thị và ý thức nghề nghiệp tích cực, song vẫn tồn tại những hạn chế về năng lực ngôn ngữ tiếng Pháp, kỹ năng quản lý lớp học, kiểm tra - đánh giá và ứng dụng công nghệ trong dạy học. Điều này chứng tỏ chương trình đào tạo hiện hành nhìn chung phù hợp với thực tiễn giảng dạy phổ thông, nhưng cần được điều chỉnh theo hướng tăng cường thực hành, kéo dài thời lượng thực tập sư phạm và tăng cường sự gắn kết giữa cơ sở đào tạo sư phạm và trường phổ thông. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số định hướng cải tiến công tác thực tập sư phạm nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên tiếng Pháp trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

**Từ khóa:** Thực tập sư phạm, giáo viên hướng dẫn, sư phạm tiếng Pháp, đào tạo giáo viên phổ thông.  
Nhận bài: 06/01/2026; Biên tập: 07/01/2026; Phản biện: 12/01/2026; Duyệt đăng: 19/01/2026.

## 1. Đặt vấn đề

Thực tập sư phạm (TTSP) được xem là học phần mang tính quyết định trong đào tạo giáo viên, vì đây là giai đoạn giúp sinh viên (SV) sư phạm chuyển hóa kiến thức lý thuyết thành năng lực thực hành nghề nghiệp trong bối cảnh dạy học thực tế. Quá trình hình thành kỹ năng giảng dạy là sự tích hợp giữa kiến thức chuyên ngành, kiến thức sư phạm và hiểu biết về môi trường lớp học. TTSP không chỉ là học phần bắt buộc mà còn là thước đo mức độ sẵn sàng của SV đối với nghề dạy học. Darling-Hammond (2006) khẳng định TTSP giữ vai trò trung tâm, gắn kết lý thuyết, thực hành và phản tư nghề nghiệp dưới sự hướng dẫn của giảng viên đại học và giáo viên hướng dẫn (GVHD) phổ thông.

Đối với SV Sư phạm tiếng Pháp, TTSP có ý nghĩa đặc thù vì các em vừa rèn luyện kỹ năng sư phạm, vừa sử dụng tiếng Pháp như công cụ giao tiếp trong lớp học. Điều này đòi hỏi sự kết hợp giữa năng lực ngôn ngữ và bản lĩnh nghề nghiệp. Trong bối cảnh thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) 2018, yêu cầu đối với giáo viên ngoại ngữ ngày càng cao, nhấn mạnh phương pháp dạy học tích cực, kiểm tra - đánh giá theo định hướng phát triển năng lực và ứng dụng công nghệ thông tin.

Theo Tardif (2013), đào tạo giáo viên cần hướng đến hệ thống năng lực tổng hợp, bao gồm kiến thức, kỹ năng sư phạm và kỹ năng mềm. Vì vậy, nghiên cứu công tác đào tạo giáo viên tiếng Pháp dưới góc nhìn của GVHD trong kỳ TTSP có ý nghĩa quan trọng, góp phần phản ánh chất lượng đào tạo và đề xuất điều chỉnh phù hợp với thực tiễn.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Đối tượng nghiên cứu và khách thể nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của bài báo là nghiên cứu góc nhìn của GVHD tại các cơ sở GDPT về công tác đào tạo GV tiếng Pháp thông qua kỳ TTSP. Trọng tâm nghiên cứu hướng đến việc phân tích nhận định, đánh giá và đề xuất của GVHD, những người trực tiếp theo dõi, hỗ trợ và đánh giá SV trong suốt quá trình TTSP, từ đó phản ánh mức độ phù hợp giữa chương trình đào tạo GV tiếng Pháp ở bậc ĐH và yêu cầu thực tiễn giảng dạy tại nhà trường phổ thông.

Khách thể nghiên cứu gồm 11 GV đang giảng dạy tiếng Pháp tại các trường trung học phổ thông và trường tiểu học trên địa bàn một thành phố thuộc đồng bằng sông Cửu Long có tiếp nhận SV Sư phạm tiếng Pháp đến thực tập. Các GV này đều có kinh nghiệm trực tiếp hướng dẫn SV trong kỳ TTSP và tham gia giảng dạy tiếng Pháp tại đơn vị công tác. Việc lựa chọn nhóm khách thể này nhằm đảm bảo tính xác thực của dữ liệu thu thập, bởi GV hướng dẫn là lực lượng có khả năng đánh giá toàn diện cả về kiến thức chuyên môn, kỹ năng sư phạm, thái độ nghề nghiệp cũng như mức độ thích ứng của SV với môi trường dạy học thực tế.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng thiết kế khảo sát mô tả theo định hướng phương pháp (PP) hỗn hợp, kết hợp phân tích thống kê mô tả đối với dữ liệu định lượng và phân tích định tính đối với dữ liệu thu thập từ bảng hỏi nhằm phản ánh thực trạng và các nhận xét, đánh giá của GVHD về SV trong kỳ TTSP.

Thiết kế này cho phép mô tả có hệ thống các xu hướng và đặc điểm nổi bật của hiện tượng nghiên cứu, phù hợp với mục tiêu nghiên cứu và quy mô mẫu khảo sát.

PP định tính được sử dụng để phân tích ý kiến trong các câu trả lời mở của GV hướng dẫn liên quan đến nội dung khảo sát được chia theo chủ đề, nhằm làm nổi bật những xu hướng nhận định chung cũng như những vấn đề nổi cộm được nhiều GV cùng đề cập.

Việc sử dụng PP hỗn hợp này cho phép nghiên cứu vừa phản ánh được thực tế quá trình TTSP của SV, vừa đi sâu làm rõ những nguyên nhân và vấn đề cốt lõi từ góc nhìn thực tiễn của GV phổ thông.

### 2.3. Công cụ nghiên cứu

Công cụ nghiên cứu được sử dụng trong bài báo là bảng hỏi khảo sát trên google form dành cho GVHD giáo sinh ngành Sư phạm tiếng Pháp. Bảng hỏi bao gồm 19 câu hỏi, được thiết kế theo cấu trúc kết hợp giữa câu hỏi đóng và câu hỏi mở, nhằm thu nhận được ý kiến, quan điểm của các GVHD xoay quanh các mảng nội dung chính sau:

Thông tin chung về GV hướng dẫn và bối cảnh TTSP (đơn vị công tác, cấp học, kinh nghiệm hướng dẫn SV);

Đánh giá của GV hướng dẫn về kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp của SV thực tập, bao gồm PP giảng dạy, năng lực ngôn ngữ tiếng Pháp, kỹ năng tổ chức lớp học, công tác kiểm tra - đánh giá và xử lý tình huống sư phạm;

Nhận định về điểm mạnh và điểm yếu của SV trong quá trình TTSP, với các câu hỏi mở nhằm khai thác sâu trải nghiệm thực tế của GV hướng dẫn;

Đánh giá mức độ phù hợp của chương trình đào tạo GV tiếng Pháp hiện hành so với yêu cầu giảng dạy tại trường phổ thông;

Đề xuất và kiến nghị của GV hướng dẫn nhằm nâng cao chất lượng kỳ TTSP và công tác đào tạo GV tiếng Pháp nói chung.

### 2.4. Phương pháp phân tích dữ liệu

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập thông qua bảng hỏi khảo sát trực tuyến dành cho 11 GVHD kỳ TTSP của SV Sư phạm tiếng Pháp. Việc phân tích dữ liệu được thực hiện theo PP kết hợp giữa phân tích dữ liệu định tính và dữ liệu thống kê mô tả.

Cụ thể, đối với các câu hỏi đóng, dữ liệu được tổng hợp theo tần suất lựa chọn và số lượng GV cho từng phương án trả lời. PP mô tả được sử dụng nhằm phản ánh xu hướng chung trong đánh giá của GV hướng dẫn, tránh suy diễn thống kê do cỡ mẫu nhỏ.

Đối với các câu hỏi mở, dữ liệu được xử lý theo quy trình phân tích nội dung định tính. Cụ thể, các ý kiến trả lời được rà soát toàn bộ để nắm bắt thực tế quá trình TTSP của SV; các khách thể nghiên cứu được mã hóa từ GV thứ nhất đến GV thứ 11 (GV1-GV11) để liệt kê từng ý kiến trả lời; các ý kiến trả lời

được phân loại theo các chủ đề chính (thái độ nghề nghiệp, năng lực ngôn ngữ, kỹ năng sư phạm, kiểm tra - đánh giá, ứng dụng công nghệ, chương trình đào tạo và tổ chức TTSP).

### 2.5. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

#### 2.5.1. Đánh giá của GVHD về thái độ và tác phong nghề nghiệp của SV thực tập

Các câu trả lời cho các câu hỏi mở cho thấy 9/11 GV hướng dẫn có những nhận xét tích cực về thái độ, tác phong và ý thức nghề nghiệp của SV Sư phạm tiếng Pháp trong kỳ TTSP. Các ý kiến đều nhấn mạnh đến tinh thần cầu thị, sự nghiêm túc và chủ động học hỏi của SV.

Cụ thể, GV2 nhận xét SV “có tính cầu thị, biết lắng nghe và tiếp thu ý kiến nhận xét từ GVHD và bạn cùng nhóm”, trong khi GV4 đánh giá cao việc SV “chịu khó học hỏi thầy cô và bạn, tích cực tham gia các hoạt động của trường, không ngại khó”. Tương tự, GV7 cho rằng SV “giao lưu tốt với học sinh, có nghiên cứu và chuẩn bị giáo án, bài giảng khá đầy đủ”.

Những nhận định này cho thấy SV đã hình thành được nền tảng về phẩm chất và thái độ nghề nghiệp, phù hợp với yêu cầu của Chuẩn nghề nghiệp giáo viên, đồng thời tạo tiền đề cho việc phát triển các năng lực sư phạm chuyên sâu trong quá trình TTSP.

#### 2.5.2. Năng lực ngôn ngữ tiếng Pháp trong giảng dạy thực tế

Về năng lực ngôn ngữ tiếng Pháp, SV còn thể hiện những hạn chế nhất định. Cụ thể, 8/11 GV hướng dẫn đề cập các vấn đề chủ yếu liên quan đến phát âm, diễn đạt chưa lưu loát và việc chưa sử dụng tiếng Pháp thường xuyên trong giờ dạy.

Như GV1 nhận xét: “phát âm chưa chuẩn, viết còn sai lỗi chính tả, ngữ pháp; ngôn ngữ sư phạm trong lớp học chưa lưu loát”. Tương tự, GV9 cho rằng “một vài SV khả năng về ngôn ngữ tiếng Pháp chưa tốt lắm”, GV10 nhấn mạnh SV “cần trau dồi kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Pháp với học sinh”. Nhấn mạnh hơn về hạn chế liên quan tới kỹ năng ngôn ngữ, GV6 và GV11 đều phản ánh hiện tượng SV ít sử dụng tiếng Pháp trong giờ dạy, chủ yếu do tâm lý thiếu tự tin về khả năng tiếng Pháp của mình.

#### 2.5.3. Kỹ năng sư phạm và quản lý lớp học

Về kỹ năng sư phạm, nhiều GVHD (7/11) cho rằng SV còn gặp khó khăn trong quản lý lớp học và tổ chức hoạt động dạy học. Các hạn chế thường được đề cập bao gồm việc chưa bao quát tốt lớp, điều hành hoạt động nhóm và xử lý tình huống sư phạm.

Theo GV3, SV “chưa chủ động được thời gian, tập trung quá nhiều cho phần dẫn nhập”, trong khi GV8 nhận xét “chưa bao quát lớp tốt, khi tổ chức trò chơi đôi khi giải thích luật chưa rõ ràng”. Ngoài ra, GV5 cho rằng SV “chưa linh hoạt trong việc điều chỉnh hoạt động phù hợp với năng lực không đồng đều của học sinh”.

Phần nhận xét trên đây của các GVHD chỉ ra

rằng SV còn thiếu kinh nghiệm thực tiễn và năng lực ra quyết định sư phạm một cách linh hoạt, đặc biệt trong bối cảnh lớp học phổ thông có nhiều đối tượng học sinh khác nhau.

**2.5.4. Năng lực kiểm tra - đánh giá trong dạy học tiếng Pháp**

Liên quan đến kiểm tra - đánh giá, kết quả khảo sát cho thấy 6/11 GVHD nhận xét rằng SV còn hạn chế trong việc xây dựng đề kiểm tra và đánh giá quá trình học tập của học sinh. Theo đó, cả GV3 và GV6 đều đề cập trực tiếp đến việc SV có “kỹ năng kiểm tra - đánh giá còn yếu” và “chưa nắm vững cách biên soạn đề theo ma trận, bảng đặc tả”.

Kết quả phân tích trên phản ánh thực tế SV chưa thực sự làm chủ các yêu cầu về công tác kiểm tra - đánh giá theo định hướng phát triển năng lực, dù nội dung này đã được đề cập trong chương trình đào tạo.

**2.5.5. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học**

Trong việc ứng dụng công nghệ, các GVHD ghi nhận rằng SV biết sử dụng PowerPoint và các trò chơi học tập với 7/11 ý kiến. Tuy vậy, vẫn có 5/11 GV nhận định rằng hiệu quả sư phạm các hoạt động này chưa cao.

Với nhận định đó, GV2 đánh giá rằng “thiết kế bài giảng trên PPT chưa hợp lý”. Ngoài ra, GV4 phản ánh còn tình trạng SV “trình chiếu nhanh, học sinh không kịp ghi bài”. Ở nội dung này, GV8 cũng cho rằng SV “nên thêm hình ảnh, video để bài giảng sinh động hơn”.

Qua những nhận xét này cho thấy SV còn thiên về sử dụng công cụ công nghệ hơn là thiết kế hoạt động dạy học tích hợp công nghệ một cách có ý nghĩa và hiệu quả sư phạm.

**2.5.6. Đánh giá mức độ phù hợp của chương trình đào tạo**

Theo kết quả khảo sát thu được, nhiều GVHD đánh giá rằng chương trình hiện hành cơ bản phù hợp với thực tiễn giảng dạy tại bậc phổ thông (8/11 GV). Tuy nhiên, vẫn có 6/11 GV đề xuất cần tăng cường các học phần thực hành về các kỹ năng sư phạm.

Cụ thể là GV2 và GV5 cùng có đề nghị “tăng thêm giờ học về soạn giảng, tập giảng” và GV3 nhấn mạnh việc cần tăng cường “hướng dẫn nâng cao kỹ năng kiểm tra - đánh giá theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo”. Ngoài ra, GV7 cho rằng chương trình đào tạo đại học “phù hợp nhưng SV chưa biết vận dụng”, cho thấy vấn đề không chỉ nằm ở nội dung đào tạo mà còn ở cách thức tổ chức các học phần thực hành trong chương trình.

**2.5.7. Đề xuất nâng cao chất lượng TTSP từ góc nhìn giáo viên hướng dẫn**

Đa số các GVHD (9/11 GV) đều đưa ra các đề xuất nhằm nâng cao chất lượng TTSP nói riêng và chất lượng đào tạo của Bộ môn quản lý chương

trình Sư phạm tiếng Pháp nói chung. Cụ thể, các đề xuất tập trung vào việc tăng thời lượng thực hành và thực tập từ sớm, tăng cường thêm việc tổ chức tập huấn trước TTSP và tăng cường hoạt động tập giảng, dự giờ và trao đổi phản hồi về hoạt động dự giờ sau đó. Từ nhận xét đó, GV6 đề xuất “tăng cường các giờ thực hành giảng dạy ngay từ năm 2 hoặc 3”. Bên cạnh đó, GV8 nhấn mạnh vai trò của hoạt động “tập giảng để SV rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống”. GV10 và GV11 cùng đề cập đến việc cần xây dựng mạng lưới trường thực tập ổn định và tăng cường chặt chẽ hơn nữa việc phối hợp giữa cơ sở đào tạo với trường phổ thông để công tác đào tạo đạt hiệu quả và chất lượng hơn nữa.

**2.6. Vai trò của giáo viên hướng dẫn trong việc hình thành năng lực nghề nghiệp cho SV thực tập**

Kết quả khảo sát cho thấy vai trò của GVHD không chỉ dừng lại ở việc theo dõi và đánh giá SV trong kỳ TTSP, mà còn có tác động trực tiếp đến quá trình hình thành năng lực nghề nghiệp của SV Sư phạm tiếng Pháp. Trong mô hình đào tạo giáo viên hiện đại, GVHD được xem là “người cố vấn nghề nghiệp” (mentor), đóng vai trò cầu nối giữa lý thuyết đào tạo tại trường đại học và thực tiễn giảng dạy tại trường phổ thông.

Thông qua quá trình dự giờ, nhận xét và trao đổi sau mỗi tiết dạy, GVHD giúp SV nhận diện rõ điểm mạnh, điểm hạn chế của bản thân, từ đó điều chỉnh cách tổ chức bài học, cách sử dụng ngôn ngữ sư phạm và cách xử lý tình huống lớp học. Quá trình phản hồi này nếu được thực hiện thường xuyên, có định hướng và mang tính xây dựng sẽ góp phần hình thành năng lực phản tư - một năng lực cốt lõi trong phát triển nghề nghiệp giáo viên. Thực tế khảo sát cho thấy nhiều GVHD đã dành thời gian trao đổi chi tiết với SV sau mỗi giờ dạy, đặc biệt về phát âm, cách đặt câu hỏi, phân bổ thời gian và kỹ năng bao quát lớp. Đây chính là yếu tố giúp SV từng bước chuyển hóa kinh nghiệm thành tri thức nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, sự phối hợp giữa giảng viên đại học và GVHD phổ thông cần được tăng cường nhằm tạo ra cơ chế hỗ trợ hai chiều. Nếu chỉ dừng lại ở việc gửi SV đến thực tập mà thiếu cơ chế trao đổi thường xuyên giữa hai bên, việc điều chỉnh chương trình đào tạo sẽ khó đạt hiệu quả tối ưu. Kết quả khảo sát cũng cho thấy một số GVHD mong muốn được tham gia đóng góp ý kiến vào việc xây dựng hoặc cập nhật nội dung học phần thực hành sư phạm, đặc biệt là các nội dung liên quan đến kiểm tra - đánh giá và ứng dụng công nghệ trong dạy học tiếng Pháp.

Ngoài ra, việc xây dựng mạng lưới trường thực tập ổn định và duy trì mối quan hệ hợp tác lâu dài giữa cơ sở đào tạo và trường phổ thông sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuẩn hóa quy trình TTSP. Khi GVHD được tham gia tập huấn, chia sẻ định hướng đào tạo từ phía trường đại học, hoạt động

hướng dẫn sẽ trở nên thống nhất và hiệu quả hơn. Điều này không chỉ nâng cao chất lượng TTSP mà còn góp phần thu hẹp khoảng cách giữa đào tạo và thực tiễn nghề nghiệp.

Như vậy, dưới góc nhìn của GVHD, công tác đào tạo giáo viên tiếng Pháp cần được tiếp cận như một quá trình liên kết chặt chẽ giữa nhà trường sư phạm và trường phổ thông. TTSP không chỉ là giai đoạn “thực hành cuối khóa”, mà cần được xem như một tiến trình liên tục, có chuẩn bị từ sớm, có phản hồi thường xuyên và có sự phối hợp đồng bộ giữa các chủ thể đào tạo. Đây là điều kiện quan trọng để nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên tiếng Pháp trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

### 3. Kết luận

Những kết quả nghiên cứu thu được đã góp phần cho thấy phần nào mức độ tương thích giữa chương trình đào tạo giáo viên tiếng Pháp ở bậc đại học và yêu cầu thực tiễn giảng dạy tại nhà trường phổ thông trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

Đồng thời, phần phân tích dữ liệu nghiên cứu cũng cho thấy SV được đánh giá tích cực về thái độ và tác phong nghề nghiệp, thể hiện tinh thần cầu thị, ý thức kỷ luật và sự chủ động học hỏi trong quá trình TTSP. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra những hạn chế trong năng lực nghề nghiệp của SV, đặc biệt là năng lực sử dụng tiếng Pháp trong giao tiếp sư phạm, kỹ năng quản lý lớp học, kiểm tra - đánh giá theo định hướng phát triển năng lực và ứng dụng công nghệ trong dạy học.

Từ các kết quả trên, nghiên cứu cũng khuyến nghị Bộ môn quản lý chương trình đào tạo có thể tăng cường thêm thời lượng của các học phần thực hành như soạn giáo án, tập giảng sớm hơn nữa,

ngay từ các năm học thứ 2 hoặc thứ 3 của khoá đào tạo. Ngoài ra, cũng cần điều chỉnh nội dung đào tạo theo hướng phát triển năng lực sử dụng tiếng Pháp như công cụ giao tiếp sư phạm; bổ sung và chuẩn hóa thêm nữa các học phần về kiểm tra – đánh giá theo Chương trình GDPT 2018; và tăng cường thêm nữa sự tham gia của GV phổ thông trong việc xây dựng, phản hồi và điều chỉnh chương trình đào tạo. Những điều chỉnh này được xem là cần thiết nhằm nâng cao chất lượng đào tạo GV tiếng Pháp, đáp ứng sát hơn yêu cầu thực tiễn của nhà trường phổ thông và xã hội.

Nghiên cứu đã chỉ ra những điều cần lưu ý trong quá trình đào tạo GV tiếng Pháp nhưng cũng cũng thể hiện hạn chế về cỡ mẫu và nguồn dữ liệu chủ yếu dựa trên ý kiến tự báo cáo của GV hướng dẫn. Do đó, cần thêm nữa những nghiên cứu khác được tiến hành bổ sung để việc nhận định thực tế quá trình đào tạo GV tiếng Pháp tại một trường đại học tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long thêm rõ ràng và toàn diện hơn nữa ■

#### Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Quyết định số 1876/QĐ-BGDĐT ngày 21/5/2018 ban hành Chương trình bồi dưỡng năng lực tư vấn tâm lý học đường cho giáo viên phổ thông.*
- [2]. Nguyễn Văn Cường (2019). *Đào tạo giáo viên theo tiếp cận năng lực: Vai trò của TTSP.* Tạp chí Giáo dục, (459), 84 - 90. Hà Nội
- [3]. Tardif, M. (2013). *Les savoirs des enseignants: Entre théorie et pratique (2e éd.).* Montréal, Canada: Éditions Logiques.

---

## Training French teachers from the perspective of a supervising teacher through a teaching practice period

Nguyen Huong Tra

Can Tho University - nhuongtra@ctu.edu.vn.

**Abstract:** *Teaching practice is a crucial stage in the teacher training process at educational institutions and plays a pivotal role in providing students with their first opportunity for professional experience. Therefore, preparing students for this stage with both the necessary knowledge and skills is a crucial requirement. This study uses a mixed-method descriptive survey design, combining de-scriptive statistical analysis for quantitative data and content analysis for qualitative data collected from questionnaires given to 11 teachers who directly supervised, monitored, and evaluated students during their internships. The results from the instructor's feedback show that the students have a serious attitude, a proactive spirit, and a positive sense of professionalism, but there are still limitations in their French language proficiency, classroom management skills, assessment, and the application of technology in teaching. This demonstrates that the current training program is generally suitable for general education teaching practices, but needs to be adjusted to enhance practical training, extend the duration of teaching practice, and strengthen the connection between teacher training institutions and general education schools. Based on that, the article proposes several directions for improving the teacher training process to contribute to enhancing the quality of French teacher training in the context of current educational innovations.*

**Keywords:** *Teaching practice, supervising teachers, French language teacher education, general teacher training.*